

Số (Nº): 10909/VAQ18-03/24-00

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
LINH KIỆN Ô TÔ**

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR SYSTEMS/ COMPONENTS OF AUTOMOBILE

Cấp theo Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ Hồ sơ đăng ký số:

Pursuant to the Technical document N^o

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

Regulation applied

Căn cứ Báo cáo kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng số:

Pursuant to the results of C.O.P Testing record N^o

Căn cứ vào báo cáo kết quả thử nghiệm số:

Pursuant to the results of Testing report N^o

11312/24/PH Ngày 28/06/2024

Date

QCVN 34 : 2017/BGTVT

43015/01/12/22/01 Ngày 14/10/2022

Date

1092/BCTN-PO/24 Ngày 13/06/2024

Date

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
General Director of Vietnam Register hereby approves that

Kiểu loại sản phẩm: **Lốp hơi xe ô tô**

(System/ Component type)

Nhãn hiệu: **DRC**

(Trade Mark)

Tên thương mại: ---

(Commercial name)

Mã kiểu loại: **255/70R22.5/16PR /140/137 M/D653**

(Model code)

Ký hiệu thiết kế/ ký hiệu sản phẩm: **255/70R22.5/16PR/D653/M**

(Design code, component code)

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: **Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng**

(Name and address of manufacturer) **Lô G, đường Tạ Quang Bửu, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp: **Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng**

(Name and address of assembly plant) **Lô G, đường Tạ Quang Bửu, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Sản phẩm nói trên thỏa mãn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia *(The product is in compliance with)*: **QCVN 34 : 2017/BGTVT.**

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày *(This certificate is valid until)*: **01/07/2027**

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2024

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

Vietnam Register

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Tô An



BÁO CÁO THỬ NGHIỆM **LỚP HƠI XE Ô TÔ**

TEST REPORT OF PNEUMATIC TYRES FOR AUTOMOBILES

Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lốp hơi dùng cho ô tô
According to National technical regulation on pneumatic tyres for automobiles

QCVN 34:2017/BGTVT

Loại sản phẩm

Component type

Ký hiệu thiết kế

Design code

Cơ sở đăng ký thử nghiệm

Name of client

: **Lốp hơi xe ô tô**

Pneumatic tyres for automobiles

: **255/70R22.5/16PR/D653/M**

: **Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng**

Mục lục

Structure of the Test Report

- 1 Thông tin chung/ *General information*
- 2 Sản phẩm thử nghiệm/ *Test product*
- 3 Kết quả thử nghiệm/ *Test result*
- 4 Chú ý/ *Remark*
- 5 Đánh giá kỹ thuật/ *Technical assesment*

1. Thông tin chung/ General information

- 1.1. Cơ sở đăng ký thử nghiệm / Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng
Name of client
- 1.2. Địa chỉ / Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên
Address of client / Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam



1.3. Căn cứ để thử nghiệm/ Basis for test

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ
- Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15/04/2011, số 54/2014/TT-BGTVT ngày 20/10/2014 và số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
- Văn bản ĐKTN số 4205/DRC-KS ngày 04/06/2024 của Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng

- 1.4. Ngày giao đủ hồ sơ và mẫu thử/ Date of full delivery of document & sample 04/06/2024

2. Sản phẩm thử nghiệm/ Test product

- 2.1. Loại sản phẩm / Lốp hơi xe ô tô
Component name / Pneumatic tyres for automobiles
- 2.2. Nhãn hiệu/ Mark (Trade mark) / DRC
(Thể hiện ở dạng biểu tượng/phiên âm ra tiếng Latinh; chữ in hoa; xem ảnh chụp tại Phụ lục 1)
- 2.3. Số loại/ Model code / 255/70R22.5/16PR /140/137 M/D653
- 2.4. Ký hiệu thiết kế/ Design code / 255/70R22.5/16PR/D653/M
- 2.5. Số lượng mẫu/ Sample quantity / 02
- 2.6. Ảnh chụp mẫu thử nghiệm/ Photograph(s) of test sample / Phụ lục / Annex 1
- 2.7. Thông tin về sản phẩm (đăng ký bởi cơ sở ĐKTN) / Phụ lục / Annex 2
Product's information registered by client

3. Kết quả thử nghiệm/ Test result

- 3.1. Kiểm tra ký hiệu của lốp/ Markings inspection / Đạt / Pass
- 3.2. Kiểm tra dấu chỉ báo mòn mặt hoa lốp / Đạt / Pass
Tread-wear indicators inspection
- 3.3. Kiểm tra kích thước/ Dimension check / Đạt / Pass
- 3.4. Thử nghiệm tính năng tải trọng/ tốc độ, độ bền / Đạt / Pass
Load / speed performance test, Endurance test

4 Chú ý/ Remark

- 4.1. Báo cáo thử nghiệm bị tẩy xóa, sửa chữa sẽ không có giá trị./ *Erased or modified test report will be invalid.*
- 4.2. Kết quả trong báo cáo thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử tại thời điểm thử nghiệm. Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới không chịu trách nhiệm về các thông tin có trên mẫu thử; chất lượng và thông số kỹ thuật của mẫu thử đã trả lại cho cơ sở đăng ký thử nghiệm./ *The results in the test report are only valid for the sample at the time of testing. Vietnam Motor Vehicle Testing Center is not liable for the information on sample; quality and specifications of the sample returned to the client.*
- 4.3. Loại phương tiện, loại sản phẩm, nhãn hiệu, tên thương mại, số loại, mã kiểu loại, mã số khung, ký hiệu thiết kế, ký hiệu sản phẩm, nguồn gốc, số khung, VIN, số động cơ của sản phẩm thử nghiệm được ghi theo thông tin trên văn bản của cơ sở đề nghị/ đăng ký thử nghiệm. Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới không chịu trách nhiệm về các thông tin của cơ sở đề nghị/ đăng ký thử nghiệm trong hồ sơ thử nghiệm và các vấn đề liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sở hữu trí tuệ, các loại thuế (thuế xuất khẩu, nhập khẩu...), giá trị thương mại đối với sản phẩm đăng ký thử nghiệm./ *Vehicle type, component type, mark, trade mark, commercial name, model code, VIN code, design code, component code, origin, chasis No., VIN, engine No are in accordance with the client's registration document. Vietnam Motor Vehicle Testing Center is not liable for the information registered by the client in the test records and matters related to origin, trademark, industrial design, intellectual property, taxes (export tax, import tax ...), commercial value of the registered product.*
- 4.4. Báo cáo thử nghiệm có giá trị sử dụng trong 36 tháng kể từ ngày ký để đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm. / *The test report is valid for 36 months from the date of signing for registration of product's type approval certificate.*

5 Đánh giá kỹ thuật/ Technical assesment

Lốp hơi mẫu nêu trên được thử nghiệm và thỏa mãn quy chuẩn QCVN 34:2017/BGTVT đối với các hạng mục nêu tại mục 3 của báo cáo.

The above pneumatic tyre samples were tested and satisfied regulation QCVN 34:2017/BGTVT for the items mentioned in item 3 of the report.

Hà Nội, ngày 13 tháng 06 năm 2024 Date
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI
VIETNAM MOTOR VEHICLE TESTING CENTER



KT. GIÁM ĐỐC/ ON BEHALF OF DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR
Trần Bách Khải

Soát xét/ Checker Nguyễn Minh Mạnh

Đăng kiểm viên/ Surveyor Vũ Đức Chiến

ẢNH CHỤP MẪU THỬ NGHIỆM
PHOTOGRAPHS OF TEST SAMPLE



ẢNH CHỤP MẪU THỬ NGHIỆM
PHOTOGRAPHS OF TEST SAMPLE



Hình 1: Nhãn hiệu



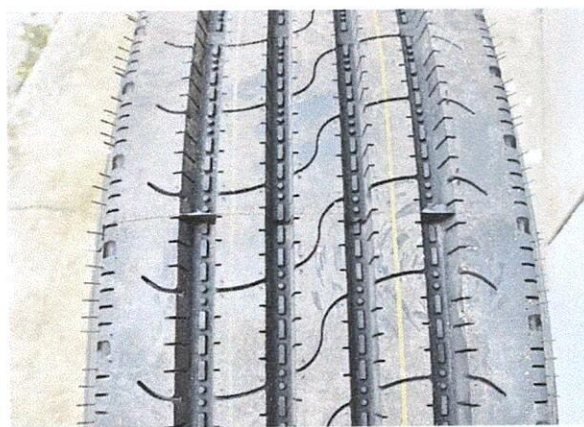
Hình 2: Ký hiệu kích cỡ lốp



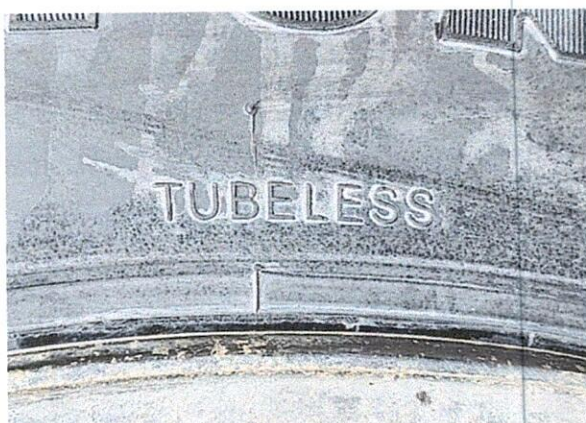
Hình 3: Chỉ số khả năng chịu tải và cấp tốc độ



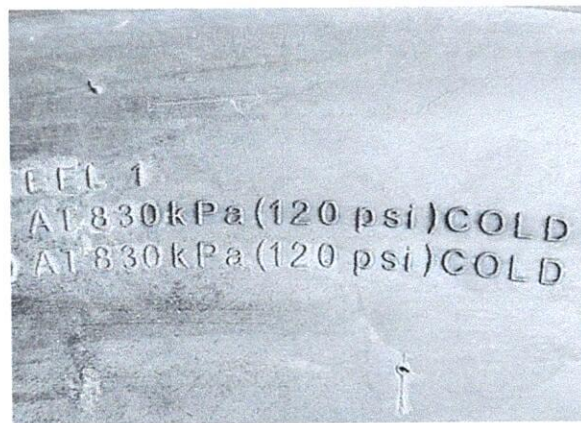
Hình 4: Mẫu hoa lốp



Hình 5: Lốp là loại có/không sử dụng săm



Hình 6: Áp suất lốp



THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM (đăng ký bởi cơ sở ĐKTN)

Product's information registered by client



- | | | |
|--|---|---|
| 1. Ký hiệu kích cỡ lốp
<i>Tyre-size designation</i> | : | 255/70R22.5 |
| 2. Cấu trúc lốp
<i>Structure</i> | : | Mành hướng tâm |
| 3. Cấp tốc độ
<i>Speed category symbol</i> | : | M (vận tốc lớn nhất 130 km/h) |
| 4. Chỉ số khả năng chịu tải
<i>Load-capacity index</i> | : | 140/137 |
| 5. Loại sử dụng
<i>Category of use</i> | : | Đi trên bùn và tuyết |
| 6. Lốp có/ không sử dụng săm
<i>Tube type/ Tubeless</i> | : | Lốp không sử dụng săm |
| 7. Chỉ số áp suất lốp
<i>Inflation pressure</i> | : | 120 PSI / 120 PSI |
| 8. Cơ sở/ Nhà máy sản xuất
<i>Name of manufacturer/plant</i> | : | Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng |
| 9. Địa chỉ
<i>Address</i> | : | Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam |
| 10. Cơ sở nhập khẩu
<i>Name of importer</i> | : | / |
| 11. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu
<i>Declaration of imported goods</i> | : | / |